

**DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ**  
**TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017**

<b>Tên chỉ tiêu</b>		<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
<b>I. ĐƠN VỊ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP, TÔN GIÁO</b>			
1	Số lượng và cơ cấu đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); khu vực kinh tế	2012,2017
2	Số lượng và cơ cấu lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); khu vực kinh tế	2012,2017
3	Số lượng đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo ngành kinh tế	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); ngành kinh tế	2017
4	Số lượng lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo ngành kinh tế	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); ngành kinh tế	2017
5	Số lượng đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo địa phương	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
6	Số lượng lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo địa phương	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
7	Cơ cấu các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo theo trình độ chuyên môn của người đứng đầu cơ sở phân theo địa phương	Trình độ chuyên môn của người đứng đầu cơ sở; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
8 Tỷ lệ lao động nữ của các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo ngành kinh tế	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); ngành kinh tế	2017
9 Tỷ lệ lao động nữ của các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo địa phương	Loại hình kinh tế (đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng); vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
10 Cơ cấu lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo nhóm tuổi và ngành kinh tế	Nhóm tuổi; ngành kinh tế	2017
11 Cơ cấu lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo nhóm tuổi và địa phương	Nhóm tuổi; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
12 Cơ cấu lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo trình độ chuyên môn và ngành kinh tế	Trình độ chuyên môn; ngành kinh tế	2017
13 Cơ cấu lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo trình độ chuyên môn và địa phương	Trình độ chuyên môn; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
14 Số lượng đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo có ứng dụng CNTT phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế; số đơn vị có máy tính; số đơn vị có kết nối internet; số đơn vị có website	2017
15 Số lượng đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo có ứng dụng CNTT phân theo địa phương	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; số đơn vị có máy tính; số đơn vị có kết nối internet; số đơn vị có website	
<b>II. DOANH NGHIỆP</b>		
16 Số lượng doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo tình trạng hoạt động, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	2017
17 Số lượng lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo tình trạng hoạt động, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	2017

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
18 Số lượng doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo tình trạng hoạt động và địa phương	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
19 Số lượng lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo tình trạng hoạt động và địa phương	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
20 Số lượng doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo quy mô, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Quy mô doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp; ngành kinh tế	2017
21 Số lượng lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo quy mô; loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Quy mô doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp; ngành kinh tế	2017
22 Cơ cấu doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo quy mô, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Quy mô doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp; ngành kinh tế	2017
23 Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo quy mô, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Quy mô doanh nghiệp; loại hình doanh nghiệp; ngành kinh tế	2017
24 Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo nhóm tuổi, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Nhóm tuổi; loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	2017
25 Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo nhóm tuổi và địa phương	Nhóm tuổi; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
26 Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo trình độ chuyên môn, loại hình doanh nghiệp và ngành kinh tế	Trình độ chuyên môn; loại hình doanh nghiệp; ngành kinh tế	2017
27 Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp có đến 01/01/2017 phân theo trình độ chuyên môn và địa phương	Trình độ chuyên môn; vùng kinh tế ; tỉnh/ thành phố	2017
28 Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 01/01/2017	Số doanh nghiệp; số lao động; nguồn vốn; tài sản cố định và đầu tư dài hạn; doanh thu thuần; lợi nhuận trước thuế; thuế và các khoản đã nộp ngân sách; loại hình doanh nghiệp; quy mô; phân theo ngành sxkd chính	2017
<b>III. HỢP TÁC XÃ</b>		

Tên chỉ tiêu		Phân tổ	Độ dài thời gian
29	Số lượng và lao động của hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	2017
30	Số lượng và lao động của hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo địa phương	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
31	Cơ cấu lao động trong hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo nhóm tuổi và ngành kinh tế	Nhóm tuổi; ngành kinh tế	2017
32	Cơ cấu lao động trong hợp tác xã có đến 01/01/2-17 phân theo nhóm tuổi và địa phương	Nhóm tuổi; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
33	Cơ cấu lao động trong hợp tác xã có đến 01/01/2-17 phân theo trình độ chuyên môn và ngành kinh tế	Trình độ chuyên môn; ngành kinh tế	2017
34	Cơ cấu lao động trong hợp tác xã có đến 01/01/2-17 phân theo trình độ chuyên môn và địa phương	Trình độ chuyên môn; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
<b>IV. CÁ THỂ</b>			
35	Số lượng và cơ cấu cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo quy mô lao động và ngành kinh tế	Quy mô lao động; ngành kinh tế	2017
36	Số lượng và cơ cấu cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo quy mô lao động, khu vực và địa phương	Quy mô lao động; khu vực; vùng địa lý; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
37	Số cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo địa điểm và ngành kinh tế	Địa điểm; ngành kinh tế	2017
38	Số cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo địa điểm khu vực và địa phương	Địa điểm; khu vực; vùng địa lý; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
39	Số lượng lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo địa điểm, giới tính và ngành kinh tế	Địa điểm; giới tính; ngành kinh tế	2017
40	Số lượng lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo địa điểm, giới tính, khu vực và địa phương	Địa điểm; giới tính; khu vực; vùng địa lý; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
41 Cơ cấu lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo nhóm tuổi và ngành kinh tế	Nhóm tuổi; ngành kinh tế	2017
42 Cơ cấu lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo nhóm tuổi và địa phương	Nhóm tuổi; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
43 Cơ cấu lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo trình độ chuyên môn và ngành kinh tế	Trình độ chuyên môn; ngành kinh tế	2017
44 Cơ cấu lao động trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo trình độ chuyên môn và địa phương	Trình độ chuyên môn; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
45 Số lượng và cơ cấu cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo tình trạng đăng ký kinh doanh và ngành kinh tế	Tình trạng đăng ký kinh doanh; ngành kinh tế	2017
46 Số lượng và cơ cấu cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có địa điểm hoạt động ổn định phân theo tình trạng đăng ký kinh doanh, khu vực và địa phương	Tình trạng đăng ký kinh doanh; khu vực; vùng địa lý; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
47 Một số chỉ tiêu cơ bản của cơ sở SXKD cá thể có địa điểm ổn định hoạt động công nghiệp phân theo địa phương	Số cơ sở; số lao động; doanh thu; nguồn vốn; tài sản cố định; khấu hao tài sản cố định; nộp ngân sách; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
48 Một số chỉ tiêu cơ bản của cơ sở SXKD cá thể có địa điểm ổn định hoạt động vận tải, kho bãi phân theo địa phương	Số cơ sở; số lao động; doanh thu; nguồn vốn; tài sản cố định; khấu hao tài sản cố định; nộp ngân sách; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
49 Một số chỉ tiêu cơ bản của cơ sở SXKD cá thể có địa điểm ổn định hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác phân theo địa phương	Số cơ sở; số lao động; doanh thu; nguồn vốn; tài sản cố định; khấu hao tài sản cố định; nộp ngân sách; vùng kinh tế; tỉnh/	2017

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	thành phố	
50 Một số chỉ tiêu cơ bản của cơ sở SXKD cá thể có địa điểm ổn định hoạt động lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác phân theo địa phương	Số cơ sở; số lao động; doanh thu; nguồn vốn; tài sản cố định; khấu hao tài sản cố định; nộp ngân sách; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
<b>V. HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP</b>		
51 Số lượng đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
52 Số lượng lao động trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
53 Cơ cấu các đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo trình độ chuyên môn của người đứng đầu và địa phương	Trình độ chuyên môn của người đứng đầu; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
54 Cơ cấu lao động trong đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo nhóm tuổi và ngành nghề	Nhóm tuổi; ngành kinh tế	2017
55 Cơ cấu lao động trong đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo nhóm tuổi và địa phương	Nhóm tuổi; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
56 Cơ cấu lao động trong đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo trình độ chuyên môn và ngành kinh tế	Trình độ chuyên môn; ngành kinh tế	2017
57 Cơ cấu lao động trong đơn vị hành chính, sự nghiệp phân theo trình độ chuyên môn và địa phương	Trình độ chuyên môn; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
58 Số lượng đơn vị y tế phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
59 Số lượng lao động trong các đơn vị y tế phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
60 Số lượng trường học phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017

Tên chỉ tiêu		Phân tổ	Độ dài thời gian
61	Số lượng lao động trong các trường học phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
62	Số lượng đơn vị văn hóa thể thao phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
63	Số lượng lao động trong các đơn vị văn hóa, thể thao phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
64	Số lượng đơn vị truyền thông phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
65	Số lượng lao động trong các đơn vị truyền thông phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
<b>VI. TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG</b>			
66	Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại cơ sở và địa phương	Loại cơ sở; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
67	Số lượng lao động trong các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại cơ sở và địa phương	Loại cơ sở; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
68	Số cơ sở tôn giáo, phân theo loại tôn giáo và địa phương	Loại tôn giáo; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
69	Số lượng lao động trong các cơ sở tôn giáo, phân theo loại tôn giáo và địa phương	Loại tôn giáo; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
70	Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng và địa phương	Loại xếp hạng; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
71	Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng di tích và loại tôn giáo, tín ngưỡng	Loại xếp hạng di tích; loại tôn giáo, tín ngưỡng	2017
72	Cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi của các nhà chức sắc, nhà tu hành, người trông coi cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và địa phương	Nhóm tuổi của các nhà chức sắc; nhà tu hành; người trông coi cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
73	Cơ cấu lao động phân theo trình độ chuyên môn của các nhà chức sắc, nhà tu hành, người trông coi cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và địa phương	Trình độ chuyên môn của các nhà chức sắc; nhà tu hành; người trông coi cơ sở tôn giáo, tín	2017

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	ngưỡng; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	
<b>VII. CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP VÀ TÔN GIÁO</b>		
74 Số lượng và cơ cấu cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo loại hình tổ chức và khu vực kinh tế	Loại hình tổ chức; khu vực kinh tế	2017
75 Số lượng và cơ cấu lao động trong các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo phân theo loại hình tổ chức và khu vực kinh tế	Loại hình tổ chức; khu vực kinh tế	2017
76 Số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo loại hình doanh nghiệp và địa phương	Loại hình doanh nghiệp; vùng kinh tế, tỉnh/ thành phố	2017
77 Số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo khu vực kinh tế và địa phương	Khu vực kinh tế; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017
78 Số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã có đến 01/01/2017 phân theo loại hình tổ chức và địa phương	Loại hình tổ chức; vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	2017